

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi tiết và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thực hiện các mô hình Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/04/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện các mô hình Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, phát triển bền vững năm 2024 theo Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 4998/BCTĐ-STC ngày 29/8/2024 và Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 5014/SNN&PTNT-PTNT ngày 13/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện các mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị năm 2024, với nội dung chính như sau:

1. Dự toán kinh phí: 10.443 triệu đồng;
(Mười tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng)

Trong đó:

- + Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 7.125 triệu đồng;
- + Kinh phí đối ứng của HTX: 3.318 triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Đơn vị thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn Thanh Hóa.

3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế đã giao cho Chi cục Phát triển nông thôn trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 (kinh phí thực hiện Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025) tại Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh và từ nguồn vốn đối ứng của các HTX.

- 4 Thời gian thực hiện: Năm 2024.

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thực hiện các mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị năm 2024, với các nội dung tại Phụ lục số 02 kèm theo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

a) Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

b) Căn cứ dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, Chi cục phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán theo đúng quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan liên quan về cơ sở xây dựng dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, hồ sơ cung cấp cho cơ quan thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và toàn bộ các bước công việc trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, khối lượng công việc thực hiện, giá trị thanh toán các phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu; đảm bảo khối lượng quyết toán căn cứ vào nghiệm thu thực tế, chủng loại, tính năng, yêu cầu kỹ thuật và không vượt giá trị dự toán được duyệt.

c) Chi cục phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2023 và các văn bản hướng dẫn; rà soát, xác định chính xác khối lượng, đơn giá, định mức,... các phần công việc của gói thầu để đảm bảo giá gói thầu được tính đúng, tính đủ, toàn bộ chi phí thực hiện gói thầu theo đúng quy định hiện hành. Trường hợp cần thiết có thể cập nhật lại giá các gói thầu trong thời gian 28 ngày trước ngày mở thầu theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 39 Luật Đấu thầu năm 2023.

d) Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát đối với từng nội dung, nhiệm vụ được phê duyệt theo quy định hiện hành của nhà nước. Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện: Thọ Xuân, Nông Cống, Quảng Xương, Thiệu Hóa, Yên Định, Đông Sơn, Hậu Lộc, Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Như Xuân và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN(cuong).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

**Phụ lục số 01: DỰ TOÁN CHI KINH PHÍ THỰC HIỆN MÔ HÌNH HTXNN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO,
CÓ SẢN PHẨM GẮN VỚI CHUỖI GIÁ TRỊ, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Nguồn vốn			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		
							NSNN	KP đối ứng	
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV)				10.443,000	10.443,000	7.125,000	3.318,000	
I	Kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị				9.818,000	9.818,000	6.500,000	3.318,000	
1	Mô hình “Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa tại HTX DVNN Xuân Lập, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân”				864,000	864,000	650,000	214,000	
-	Máy cấy Yanmar YR60D XU-VN	Cái	1	412,000	412,000				
-	Máy kéo nông nghiệp Yanmar YM357A	Cái	1	452,000	452,000				
2	Mô hình “Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa thương phẩm gắn với chuỗi giá trị tại HTX dịch vụ nông nghiệp mạ khay Tế Thắng, huyện Nông Cống”				950,000	950,000	650,000	300,000	
-	Máy gặt đập liên hợp Yanmar YH850 DGWUF-VN22 (Có vòi phun lúa)	Cái	1	894,000	894,000				
-	Khay nhựa làm mạ	Cái	2800	0,020	56,000				
3	Mô hình “Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp tại HTX NN CNC Hồng Đức, xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương”				964,000	964,000	650,000	314,000	
-	Máy kéo nông nghiệp Yanmar YM351R	Cái	2	422,000	844,000				
-	Dàn xới Yanmar 1,8m (54 lưỡi, mặt bích) Y1800RH	Cái	2	60,000	120,000				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Nguồn vốn			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		
							NSNN	KP đối ứng	
4	Mô hình “Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp tại HTX DVNN Thiệu Nguyên, xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa”				874,000	874,000	650,000	224,000	
-	Máy cấy Yanmar YR60D XU-VN	Cái	2	412,000	824,000				
-	Khay nhựa làm mạ	Cái	2500	0,020	50,000				
5	Mô hình “Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa thương phẩm theo chuỗi giá trị tại HTX DV SXNN xã Định Liên, huyện Yên Định”				1.206,000	1.206,000	650,000	556,000	
-	Máy gặt đập liên hợp Yanmar YH850 DGWUF-VN22 (Có vòi phun lúa)	Cái	1	894,000	894,000				
-	Máy kéo nông nghiệp Yanmar EF393 TP-D-VN	Cái	1	312,000	312,000				
6	Mô hình “Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa thương phẩm tại HTX DVNN CNC Lâm Anh, xã Đông Yên, huyện Đông Sơn”				1.040,000	1.040,000	650,000	390,000	
-	Máy kéo nông nghiệp Yanmar YM351R	Cái	2	422,000	844,000				
-	Dàn xới Yanmar 1,8m (54 lưỡi, mặt bích) Y1800RH	Cái	2	60,000	120,000				
-	Khay nhựa làm mạ	Cái	3800	0,020	76,000				
7	Mô hình “Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa quy mô lớn theo chuỗi giá trị tại HTX nông nghiệp Tiến Lộc, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc”				916,000	916,000	650,000	266,000	
-	Máy gặt đập liên hợp Yanmar YH850 DWFA-VN22	Cái	1	824,000	824,000				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Nguồn vốn			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		
							NSNN	KP đối ứng	
-	Máy cấy Yanmar AP4	Cái	1	92,000	92,000				
8	Mô hình “cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa thương phẩm tại Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Vĩnh Tân, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc”.				1.206,000	1.206,000	650,000	556,000	
-	Máy gặt đập liên hợp Yanmar YH850 DGWUF-VN22 (Có vòi phun lúa)	Cái	1	894,000	894,000				
-	Máy kéo nông nghiệp Yanmar EF393 TP-D-VN	Cái	1	312,000	312,000				
9	Mô hình “Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất mía nguyên liệu tại HTX dịch vụ KDNN Thành Công, xã Thành Công, huyện Thạch Thành”				905,000	905,000	650,000	255,000	
-	Máy kéo nông nghiệp Yanmar EF725T	Cái	1	695,000	695,000				
-	Dàn cày Yanmar 3 chảo Y2630DPL 26 inch	Cái	1	65,000	65,000				
-	Dàn xới Yanmar 1,7m Y1700RH (44 lưỡi; mặt bích)	Cái	1	50,000	50,000				
-	Dàn xới Yanmar 2,2m Y2200RHS D-VN (54 lưỡi, mặt bích)	Cái	1	95,000	95,000				
10	Mô hình “Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa thương phẩm tại HTX Hợp Thành Bình Lương, xã Bình Lương, huyện Như Xuân”				893,000	893,000	650,000	243,000	
-	Máy kéo nông nghiệp Kubota L5018DT	Cái	1	412,000	412,000				
-	Bánh lồng V	Cái	1	14,000	14,000				
-	Dàn chảo 6 HD	Cái	1	16,000	16,000				
-	Rạch rãnh	Cái	1	11,000	11,000				
-	Máy gặt đập Yurui SCM 4LZ-1.5	Cái	2	220,000	440,000				
II	Kinh phí tư vấn				88,508	88,508	88,508	0,000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Nguồn vốn			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		
							NSNN	KP đối ứng	
1	Chi phí thẩm định giá		1		29,6				
2	Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT	HS	3		39,272				
3	Tư vấn thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	HS	3		19,636				
III	Kinh phí tổ chức hội nghị triển khai, tổng kết, kiểm tra, giám sát	MH	10	27,488	274,880	274,880	274,880	0,000	
	Kinh phí 01 mô hình				27,488				
1	Hội nghị triển khai				6,100				
-	Thuê hội trường, maket, loa đài	Ngày	1	1,000	1,000				
-	Chi giải khát giữa giờ	Đại biểu	35	0,040	1,400				
-	Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương	Đại biểu	25	0,100	2,500				
-	Tài liệu phục vụ hội nghị	Bộ	35	0,020	0,700				
-	Báo cáo viên phục vụ hội nghị	Người	1	0,500	0,500				
2	Hội nghị tổng kết				6,100				
-	Thuê hội trường, maket, loa đài	Ngày	1	1,000	1,000				
-	Chi giải khát giữa giờ	Đại biểu	35	0,040	1,400				
-	Hỗ trợ đại biểu không hưởng lương	Đại biểu	25	0,100	2,500				
-	Tài liệu phục vụ hội nghị	Bộ	35	0,020	0,700				
-	Báo cáo viên phục vụ hội nghị	Người	1	0,500	0,500				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí	Nguồn vốn			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		
							NSNN	KP đối ứng	
3	Kinh phí khảo sát, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát	MH			15,288				
-	Hỗ trợ xăng xe (6 lần/mô hình x 4 người/lần x 2 chiều x 50 km/chiều x 0,2lít/km x 21,850đ/lít)	Lít	480	0,022	10,488				
-	Phụ cấp lưu trú (6 lần/mô hình x 01 ngày/lần x 4 người/lần x 200.000đ/ngày)	Ngày	24	0,200	4,800				
IV	Kinh phí chung				261,612	261,612	261,612		
1	Chi phí học tập kinh nghiệm (5 ngày 4 đêm) (Tổng số người tham gia: 76 người gồm: HTX: 5 người/MH; đại diện UBND huyện: 01 người/huyện; đại diện UBND xã 01 người/xã; Chi cục Phát triển nông thôn 6 người)				214,700				
-	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ không hưởng lương (50 người*5ngày*150.000 đ/ngày)	Người	250	0,150	37,500				
-	Hỗ trợ tiền thuê phòng ngủ cho cán bộ không hưởng lương (50 người*4 đêm*300,000đ/đêm)	Người	200	0,300	60,000				
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ hưởng lương (26 người * 5 ngày *200.000đ/ngày)	Người	130	0,200	26,000				
-	Hỗ trợ tiền thuê phòng ngủ cho cán bộ hưởng lương (26 người*4 đêm*300,000đ/đêm)	Người	104	0,300	31,200				
-	Tiền thuê xe (01 xe 35; 01 xe 45)	Ngày	5	12,000	60,000				
2	Chi phí khác (thuốc men, thêm giờ, tăng giá xăng...)	MH	10	4,6912	46,912				

Phụ lục số 02: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (tr.đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Chi cục Phát triển nông thôn Thanh Hóa	Gói thầu số 01: Thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 03	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	39,272	Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế đã giao cho Chi cục Phát triển nông thôn trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 (kính phí thực hiện Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025) tại	Chi định thầu rút gọn		15 ngày	Quý III/2024	Trọn gói	30 ngày	Không áp dụng	Không
2		Gói thầu số 02: Thuê tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT	19,636		Chi định thầu rút gọn		15 ngày	Quý III/2024	Trọn gói	30 ngày	Không áp dụng	Không
3		Gói thầu số 03: Mua sắm máy móc thiết bị thực hiện Mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp tại các HTX nông nghiệp: HTX DVNN Xuân Lập, huyện Thọ Xuân; HTX DVNN mạ khay Tế Thắng, huyện Nông Cống; HTX NN công nghệ cao Hồng Đức, huyện Quảng Xương; HTX DVNN Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa; HTX DV sản xuất NN xã Định Liên, huyện Yên Định; HTX DVNN công nghệ cao Lâm Anh, huyện Đông Sơn; HTX NN Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc; HTX DVNN Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc; HTX DV kinh doanh NN Thành Công, huyện Thạch Thành; HTX Hợp Thành Bình Lương, huyện Như Xuân.	Mua sắm máy móc thiết bị thực hiện mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp tại 10 HTX nông nghiệp tham gia xây dựng mô hình	9.818,000		Đấu thầu rộng rãi trong nước qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	45 ngày	Quý III/2024	Trọn gói	60 ngày	Không áp dụng	Không

